

BẢN TIN PHÁP LÝ

Tháng 4/2025



Văn phòng Hà Nội

Phòng 308-310, Tầng 3, Tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel.: (84-24) 3934 0629 | Fax.: (84-24) 3934 0631
E-mail: vision@vision-associates.com

Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

Phòng 905, Tầng 9, Tòa nhà Citilight Tower
45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh,
Việt Nam
Tel.: (84-28) 3823 6495 | Fax.: (84-28) 3823 6496
E-mail: hcmvision@vision-associates.com

Bên cạnh các nguồn thông tin khác, Bản tin Pháp lý được Vision & Associates cập nhật hàng tháng bằng tiếng Anh và tiếng Việt, nhằm cung cấp cho quý khách hàng và đối tác kinh doanh của chúng tôi thông tin về những thay đổi và diễn tiến pháp lý nổi bật và cập nhật tại Việt Nam. Bản tin Pháp lý của chúng tôi chủ yếu liên quan đến lĩnh vực đầu tư nước ngoài, thương mại, xuất nhập khẩu, thuế, tài chính & ngân hàng, lao động và các vấn đề liên quan khác.

© 2025. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.



NỘI DUNG

Luật Đầu tư:	2
Các lĩnh vực khác:	10
Tài chính	10
Ngân hàng.....	10
Kế toán - Kiểm toán.....	11
Archieve.....	11
Chứng khoán.....	11
Thuế	13
Thương mại.....	14
Lao động	15
Y tế.....	16
Giáo dục.....	17
Thông tin - Truyền thông.....	18
Văn hóa - Thể thao - Du lịch	19
Giao thông vận tải.....	19
Xây dựng	20
Bất động sản	21
Đất đai.....	21
Tài nguyên - Môi trường	22
Khoa học - Kỹ thuật.....	26
Năng lượng	27
Hành chính - Tư pháp	27
Nông - Lâm - Ngư nghiệp	28
Đầu tư	32

Bản tin Pháp lý này được phát hành cho khách hàng của chúng tôi và những người quan tâm. Các thông tin trong Bản tin này chỉ để tham khảo. Chúng tôi đề nghị Quý khách hàng và độc giả nên tham khảo ý kiến chuyên môn đối với các vấn đề cụ thể. Xin hãy liên hệ trực tiếp tới các văn phòng của chúng tôi hoặc những người có tên tại cuối Bản tin này.

Bản tin Pháp lý này có trên trang Web của chúng tôi tại www.vision-associates.com và trang Linkedin tại <https://www.linkedin.com/company/vision-associates.com>

© 2025. Bản quyền của Công ty Vision & Associates.

Luật Đầu tư:

Những quy định đáng chú ý của Nghị định mới hướng dẫn Luật Đầu tư công

Ngày 08/04/2025, Chính phủ ban hành Nghị định số 85/2025/NĐ-CP (“**Nghị định 85**”) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được Quốc hội thông qua ngày 29/11/2024 (“**Luật Đầu tư công 2024**”). Nghị định 85 có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Nghị định số 40/2020/NĐ-CP

ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được Quốc hội thông qua ngày 13/06/2019, đã được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 54/2021/NĐ-CP ngày 21/05/2021 (“**Nghị định 40**”).



Căn cứ vào những điểm nhấn mang tính cách mạng của Luật Đầu tư công 2024, bao gồm:

- (a) Thê chế hóa các cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được Quốc hội cho phép áp dụng: Cho phép tách công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thành dự án độc lập đối với tất cả các nhóm dự án (bao gồm cả dự án nhóm B, C); Quy định thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ giao một Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án trên địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên;
- (b) Phân cấp thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương (NSTW) giữa các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho Thủ tướng Chính phủ; Phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng dự phòng chung vốn NSTW, các khoản vốn NSTW chưa phân bổ trong kế hoạch đầu tư công trung hạn từ Quốc hội cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- (c) Cho phép sử dụng nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để chuẩn bị đầu tư dự án; Cho phép doanh nghiệp Nhà nước là cơ quan chủ quản thực hiện dự án đầu tư công theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ; Cho phép Ban Quản lý dự án, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ, cơ quan trung ương, địa phương được lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án; Cho phép giao nhiệm vụ và kế hoạch vốn hằng năm cho chủ đầu tư dự án không phải là đơn vị trực thuộc;
- (d) Đơn giản hóa trình tự, thủ tục lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm; Quy định danh mục dự án Chính phủ báo cáo Quốc hội để ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn là danh mục dự kiến; v.v.;

Nghị định 85 có các quy định cụ thể nhằm hướng dẫn một số nội dung được nêu rõ trong Luật Đầu tư công 2024, trong đó có việc phân cấp thẩm quyền, trình tự, thủ tục (1) quyết định chủ trương đầu

tu và (2) quyết định đầu tư đối với chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư, và các nội dung có liên quan.

Liên quan đến các chương trình, dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp, so sánh với Nghị định 40, Nghị định 85 có một số điểm mới đáng chú ý như sau:

1. Quyết định chủ trương đầu tư

(a) Thẩm quyền

Phù hợp với các điểm nhấn của Luật Đầu tư công 2024 như đã nêu trên, Nghị định 85 đã:

(i) bổ sung và quy định rõ:

- Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do bộ, cơ quan Trung ương quản lý: người đứng đầu bộ, cơ quan Trung ương được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B, nhóm C của cơ quan Nhà nước thuộc cấp mình quản lý cho người đứng đầu cơ quan Nhà nước đó.
- Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý: Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp được phân cấp hoặc ủy quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án nhóm B, nhóm C của cơ quan Nhà nước thuộc cấp mình quản lý cho người đứng đầu cơ quan Nhà nước đó.
- Đối với dự án sử dụng vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư có thời gian thực hiện trong 02 kỳ kế hoạch đầu tư công trung hạn liên tiếp, cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án quyết định chủ trương đầu tư dự án và chịu trách nhiệm về quyết định của mình phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và khả năng huy động các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có); và

(ii) rút ngắn thời hạn từ 10 ngày còn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án; đơn vị sự nghiệp công lập phải gửi quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình, dự án cho Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban Nhân dân cấp quản lý để báo cáo.

(b) Trình tự, thủ tục

Nghị định 85 bổ sung quy định nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án nhóm A, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án nhóm B, C phải bao gồm cả dự kiến cơ cấu nguồn vốn.

Nghị định mới cũng bổ sung quy định về trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn ngân sách địa phương do cơ quan Trung ương thực hiện, dự án có sử dụng vốn ngân sách cấp huyện, cấp xã do cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện.

(c) Hồ sơ, nội dung và thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư

Nghị định 85 đã:

- (i) sửa đổi quy định cơ quan trình thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C bằng hình thức điện tử, trừ hồ sơ, tài liệu chứa bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước (*thay vì 10 bộ theo quy định của Nghị định 40*);
- (ii) bổ sung khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay vào nội dung thẩm định chủ trương đầu tư chương trình đầu tư công;
- (iii) sửa đổi nội dung thẩm định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công nhóm A, B, C; theo đó: thẩm định các nội dung quy định tại Điều 35 của Luật Đầu tư công 2024 (*thay vì “dự án, bao gồm mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, các nguồn vốn và khả năng cân đối vốn; khả năng thu hồi vốn và trả nợ trong trường hợp sử dụng vốn vay” theo Nghị định 40*) đối với dự án nhóm B, C;
- (iv) bổ sung quy định cơ quan được giao thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định cho cơ quan chủ trì thẩm định. Trường hợp cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đồng thời là cơ quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn theo quy định tại Điều 36 của Luật Đầu tư công 2024, cơ quan chủ trì thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư tự tổ chức thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn;
- (v) sửa đổi thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C kể từ ngày Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: (a) Chương trình mục tiêu quốc gia: Không quá 40 ngày làm việc (*thay vì 60 ngày theo Nghị định 40*); (b) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 30 ngày làm việc (*thay vì 45 ngày theo Nghị định 40*); (c) Dự án nhóm A: Không quá 30 ngày làm việc (*thay vì 45 ngày theo Nghị định 40*); (d) Dự án nhóm B, C: Không quá 20 ngày làm việc (*thay vì 30 ngày theo Nghị định 40*). Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án không phù hợp với quy định tại các Điều 33,



34, 35 của Luật Đầu tư công 2024, trong thời gian không quá 05 ngày làm việc (*thay vì 10 ngày theo Nghị định 40*) kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định đề nghị bổ sung hồ sơ hoặc hoàn chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

(vi) không còn cho phép gia hạn thời gian thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án.

(d) Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền và thời gian quyết định chủ trương đầu tư

Nghị định 85 đã:

(i) xóa bỏ quy định của Nghị định 40 về số lượng hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công nhóm A, B, C là 05 bộ tài liệu.

(ii) sửa đổi thời gian quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau:

- Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 10 ngày làm việc (*thay vì 20 ngày theo Nghị định 40*);
- Dự án nhóm A: Không quá 07 ngày làm việc (*thay vì 15 ngày theo Nghị định 40*);
- Dự án nhóm B, C: Không quá 05 ngày làm việc (*thay vì 10 ngày theo Nghị định 40*);
- Trong thời gian 03 ngày làm việc (*thay vì 15 ngày theo Nghị định 40*) kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án: (a) Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Trung ương gửi Bộ Tài chính quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (b) Cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(e) Phân loại dự án đầu tư công

Nghị định 85 sửa đổi Tổng mức đầu tư của các Dự án đầu tư công nhóm A, B, C được phân loại theo Phụ lục I kèm theo Nghị định 85. Cụ thể:

TT	PHÂN LOẠI DỰ ÁN ĐẦU TƯ CÔNG	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
A	Nhóm A	
I	Dự án quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2024.	Không phân biệt tổng mức đầu tư (<i>giữ nguyên quy định tại Nghị định 40</i>)
II	Dự án quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2024.	Từ 4.600 tỷ đồng trở lên (<i>tăng từ 2.300 tỷ đồng theo Nghị định 40</i>)

III	Dự án quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2024.	Từ 3.000 tỷ đồng trở lên (tăng từ 1.500 tỷ đồng theo Nghị định 40)
IV	Dự án theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2024.	Từ 2.000 tỷ đồng trở lên (tăng từ 1.000 tỷ đồng theo Nghị định 40)
V	Dự án quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 của Luật Đầu tư công 2024.	Từ 1.600 tỷ đồng trở lên (tăng từ 800 tỷ đồng theo Nghị định 40)
B	Nhóm B	
I	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục II Phần A nêu trên.	Từ 240 tỷ đồng đến dưới 4.600 tỷ đồng (tăng từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.300 tỷ đồng theo Nghị định 40)
II	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục III Phần A nêu trên.	Từ 160 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng (tăng từ 80 tỷ đồng đến dưới 1.500 tỷ đồng theo Nghị định 40)
III	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục IV Phần A nêu trên.	Từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng (tăng từ 60 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng theo Nghị định 40)
IV	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục V Phần A nêu trên.	Từ 90 tỷ đồng đến dưới 1.600 tỷ đồng (tăng từ 45 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng theo Nghị định 40)
C	Nhóm C	
I	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục II Phần A nêu trên.	Dưới 240 tỷ đồng (tăng từ dưới 120 tỷ đồng theo Nghị định 40)
II	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục III Phần A nêu trên.	Dưới 160 tỷ đồng (tăng từ dưới 80 tỷ đồng theo Nghị định 40)
III	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục IV Phần A nêu trên.	Dưới 120 tỷ đồng (tăng từ dưới 60 tỷ đồng theo Nghị định 40)
IV	Dự án thuộc lĩnh vực quy định tại Mục V Phần A nêu trên.	Dưới 90 tỷ đồng (tăng từ dưới 45 tỷ đồng theo Nghị định 40)

2. Quyết định đầu tư

(a) Thẩm quyền

Phù hợp với các điểm nhấn của Luật Đầu tư công 2024 như đã nêu trên, Nghị định 85 đã bổ sung và quy định rõ:

- (i) Đối với dự án thuộc cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do bộ, cơ quan Trung ương quản lý có cấu phần xây dựng, việc xác định chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng; và
- (ii) Đối với chương trình, dự án thuộc cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập do địa phương quản lý:
 - Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án nhóm A, B, C của cơ quan Nhà nước thuộc cấp mình quản lý, được phân cấp hoặc

ủy quyền quyết định đầu tư đối với các dự án nhóm B và nhóm C cho người đứng đầu cơ quan Nhà nước trực thuộc;

- Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp

công lập quyết định đầu tư chương trình, dự án các nhóm A, B và C do đơn vị mình quản lý;

- Đơn vị sự nghiệp công lập nêu trên được làm chủ đầu tư dự án không có cầu phần xây dựng do mình quyết định đầu tư. Đối với dự án có cầu phần xây dựng, việc xác định chủ đầu tư thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng.



(b) Hồ sơ, nội dung thẩm định

Nghị định 85 sửa đổi quy định cơ quan trình thẩm định gửi Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ thẩm định bằng hình thức điện tử, trừ hồ sơ, tài liệu chứa bí mật Nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước (thay vì 10 bộ theo quy định của Nghị định 40).

(c) Thời gian thẩm định

Nghị định 85 quy định rõ:

- (i) thời gian thẩm định chương trình, dự án đầu tư công không có cầu phần xây dựng kể từ ngày cơ quan chủ trì thẩm định nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: (i) Chương trình mục tiêu quốc gia: Không quá 40 ngày làm việc (thay vì 60 ngày theo Nghị định 40); (ii) Chương trình đầu tư công (không bao gồm chương trình mục tiêu quốc gia): Không quá 30 ngày làm việc (thay vì 45 ngày theo Nghị định 40); (iii) Dự án nhóm A: Không quá 30 ngày làm việc (thay vì 30 ngày theo Nghị định 40); (iv) Dự án nhóm B, C: Không quá 20 ngày làm việc (thay vì 30 ngày theo Nghị định 40); (v) Trường hợp hồ sơ không hợp lệ hoặc nội dung trong báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án không phù hợp với quy định tại Điều 47 của Luật Đầu tư công 2024, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc (thay vì 10 ngày theo Nghị định 40) kể từ ngày nhận được hồ sơ, Hội đồng thẩm định hoặc cơ quan chủ trì thẩm định có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan trình thẩm định bổ sung hồ sơ hoặc hoàn chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi chương trình, dự án; và

- (ii) Xóa bỏ quy định về thời gian thẩm định nội bộ và gia hạn thời gian thẩm định chương trình, dự án.

(d) Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định

Nghị định 85 đã:

- (i) xóa bỏ quy định của Nghị định 40 về số lượng Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công là 05 bộ tài liệu; và
- (ii) sửa đổi quy định yêu cầu Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng được tách thành dự án độc lập theo quy định của Luật Đầu tư công 2024 đối với dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng và dự án còn lại được tách riêng từ dự án quan trọng quốc gia, dự án không chỉ thuộc nhóm A như quy định tại Nghị định 40 trước đây mà cả các nhóm B, C được phân loại theo phân loại của dự án tại quyết định chủ trương đầu tư.

(e) Nội dung, thời gian quyết định

Nghị định 85 sửa đổi quy định về Thời gian quyết định đầu tư chương trình, dự án kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: (i) Chương trình đầu tư công: Không quá 10 ngày làm việc (*thay vì 20 ngày theo Nghị định 40*); (ii) Dự án nhóm A: Không quá 07 ngày làm việc (*thay vì 15 ngày theo Nghị định 40*); (iii) Dự án nhóm B, C: Không quá 05 ngày làm việc (*thay vì 10 ngày theo Nghị định 40*); (iv) Trong thời gian 05 ngày làm việc (*thay vì 15 ngày theo Nghị định 40*) kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư chương trình, dự án: Bộ, cơ quan trung ương và địa phương quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương gửi Bộ Tài chính; hoặc Cơ quan quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước các cấp địa phương gửi Sở Tài chính, cơ quan chuyên môn quản lý đầu tư cùng cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Quản lý thực hiện nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch và dự án đầu tư công không có cấu phần xây dựng

Nghị định 85 sửa đổi quy định về:

- (a) thời gian thẩm định thiết kế, dự toán đầu tư của đơn vị có chức năng được giao nhiệm vụ thẩm định kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: (a) Đối với dự án nhóm A: Không quá 25 ngày làm việc (*thay vì 40 ngày theo Nghị định 40*); (b) Đối với dự án nhóm B: Không quá 20 ngày làm việc (*thay vì 30 ngày theo Nghị định 40*); (c) Đối với dự án nhóm C: Không quá 10 ngày làm việc (*thay vì 20 ngày theo Nghị định 40*); và
- (b) thời gian phê duyệt thiết kế, dự toán dự án của cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế, dự toán dự án kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ như sau: (a) Đối với dự án nhóm A: Không quá 10 ngày làm việc (*thay vì 15 ngày theo Nghị định 40*); (b) Đối với dự án nhóm B: Không quá 07 ngày làm việc (*thay vì 10 ngày theo Nghị định 40*); (c) Đối với dự án nhóm C: Không quá 03 ngày làm việc (*thay vì 5 ngày theo Nghị định 40*).

4. Lập, phê duyệt, giao, triển khai thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư công

Nghị định 85 còn:

- (a) bổ sung các quy định về trình tự lập, phê duyệt, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn hoặc hằng năm vốn ngân sách Nhà nước, kế hoạch đầu tư trung hạn hoặc hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư; thời gian bố trí vốn thực hiện dự án;
- (b) sửa đổi quy định về triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công; báo cáo cấp có thẩm quyền tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kế hoạch đầu tư công; và
- (c) xóa bỏ quy định về ứng trước vốn kế hoạch đầu tư công, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách Nhà nước hằng năm./



Các lĩnh vực khác:

Tài chính

- Nghị quyết số 87/NQ-CP ngày 15/04/2025 của Chính phủ về việc gia hạn thời gian thực hiện thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ;
- Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;
- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/04/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 806/QĐ-TTg ngày 22/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về phòng, chống lãng phí đến năm 2035;
- Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/04/2025 của Bộ Tư pháp ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;
- Quyết định số 640/QĐ-TTPVHCC ngày 22/04/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng, quản lý của Ủy ban Nhân dân Thành phố; thủ tục hành chính lĩnh vực tài chính đất đai, lĩnh vực thành lập và hoạt động hộ kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban Nhân dân cấp huyện;
- Quyết định số 1413/QĐ-BTC ngày 18/04/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi Danh mục mã định danh các đơn vị thuộc Bộ Tài chính phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương ban hành kèm Quyết định 143/QĐ-BTC ngày 10/02/2022 (lần 6);
- Quyết định số 1327/QĐ-BTC ngày 11/04/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;
- Thông tư số 17/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính bãi bỏ toàn bộ một số Thông tư do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Ngân hàng

- Nghị định số 94/2025/NĐ-CP ngày 29/04/2025 quy định về Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong lĩnh vực ngân hàng;
- Thông tư số 02/2025/TT-NHNN ngày 29/04/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Thông tư số 01/2025/TT-NHNN ngày 29/04/2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép của quỹ tín dụng nhân dân.

Kế toán - Kiểm toán

- Nghị định số 90/2025/NĐ-CP ngày 14/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Quyết định số 644/QĐ-KTNN ngày 24/04/2025 của Kiểm toán Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng thuộc Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành II;
- Quyết định số 635/QĐ-KTNN ngày 22/04/2025 của Kiểm toán Nhà nước quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các phòng thuộc Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành VII.

Archieve

- Thông tư số 03/2025/TT-BVHTTDL ngày 29/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành văn hóa, thể thao và du lịch;
- Thông tư số 19/2025/TT-BCT ngày 16/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Công Thương;
- Thông tư số 15/2025/TT-BTC ngày 16/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.

Chứng khoán

- Quyết định số 1541/QĐ-BTC ngày 29/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Mức giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 42/QĐ-VSDC ngày 29/04/2025 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Hướng dẫn tham gia kết nối Cổng giao tiếp trực tuyến cho các hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 41/QĐ-VSDC ngày 29/04/2025 của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Hướng dẫn tham gia kết nối Cổng giao tiếp điện tử cho các hoạt động nghiệp vụ của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 41/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động giao dịch hoán đổi, đăng ký, lưu ký, thanh toán bù trừ, thực hiện quyền đối với chứng chỉ quỹ hoán đổi danh mục tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ thanh toán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 39/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu

- ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 38/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế về thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 37/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động đăng ký và chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 36/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế thành viên lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 35/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế tổ chức hoạt động vay và cho vay chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 29/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động lưu ký chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 25/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế hệ thống công nghệ thông tin kết nối giao dịch đến Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
 - Quyết định số 24/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế thành viên của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 23/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Đăng ký và quản lý giao dịch chứng khoán chưa niêm yết;
 - Quyết định số 22/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch chứng khoán niêm yết;
 - Quyết định số 21/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2025 của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về việc ban hành Quy chế Niêm yết và giao dịch hợp đồng tương lai;
 - Quyết định số 30/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động đăng ký và thực hiện chứng quyền có bảo đảm tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 29/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế đăng ký mã số giao dịch chứng khoán tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam;
 - Quyết định số 28/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ cho thị trường chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;

- Quyết định số 27/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế thành viên bù trừ chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 26/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phái sinh tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Quyết định số 25/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế hoạt động thanh toán giao dịch công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh do ngân hàng chính sách phát hành và trái phiếu chính quyền địa phương;
- Quyết định số 24/QĐ-HĐTV ngày 16/04/2025 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam ban hành Quy chế hướng dẫn hoạt động đăng ký biện pháp bảo đảm đối với chứng khoán đã đăng ký tập trung tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26/04/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/9/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- Thông tư số 14/2025/TT-BTC ngày 04/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và Thông tư số 58/2021/TT-BTC ngày 12/07/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

Thuế

- Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BTC ngày 22/04/2025 của Bộ Tài chính hợp nhất Nghị định về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp, thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan;
- Nghị định số 82/2025/NĐ-CP ngày 02/04/2025 gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2025;
- Nghị định số 81/2025/NĐ-CP ngày 02/04/2025 gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước;
- Quyết định số 1207/QĐ-BCT ngày 28/04/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Quyết định số 914/QĐ-BCT ngày 01/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế

chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân quốc;

- Quyết định số 1204/QĐ-BCT ngày 28/04/2025 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Quyết định số 460/QĐ-BCT ngày 21/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với một số sản phẩm thép cán nóng có xuất xứ từ Cộng hòa Ấn Độ và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa;
- Quyết định số 1483/QĐ-BTC ngày 25/04/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 914/QĐ-BCT ngày 01/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời đối với sản phẩm thép mạ có xuất xứ từ Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa và Đại Hàn Dân Quốc;
- Thông tư số 20/2025/TT-BCT ngày 22/04/2025 của Bộ Công Thương quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2025.

Thương mại

- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BCT ngày 23/04/2025 của Bộ Công Thương hợp nhất Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng;
- Nghị định số 86/2025/NĐ-CP ngày 11/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;
- Quyết định số 1224/QĐ-BCT ngày 29/04/2025 của Bộ Công Thương công bố Danh mục thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 467/QĐ-CHQ ngày 29/04/2025 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc ban hành Quy trình kiểm tra, xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;
- Quyết định số 1155/QĐ-BCT ngày 23/04/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực xuất nhập khẩu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Quyết định số 1103/QĐ-BCT ngày 21/04/2025 của Bộ Công Thương về việc thu hồi quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, cấp Giấy chứng nhận hàng hóa không thay đổi xuất xứ và tiếp nhận đăng ký mã số chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập của Na Uy và Thụy Sĩ;
- Quyết định số 1068/QĐ-BCT ngày 18/04/2025 của Bộ Công Thương gia hạn thời hạn rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen có xuất xứ từ Malaysia, Vương quốc Thái Lan và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa;

- Quyết định số 1067/QĐ-BCT ngày 18/04/2025 của Bộ Công Thương gia hạn thời hạn rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với một số sản phẩm bột ngọt có xuất xứ từ Cộng hòa In-đô-nê-xi-a và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa;
- Quyết định số 1505/QĐ-UBND ngày 17/04/2025 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 985/QĐ-BCT ngày 10/04/2025 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 21/2025/TT-BCT ngày 26/04/2025 của Bộ Công Thương quy định về xây dựng, ban hành và tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương;
- Thông tư số 20/2025/TT-BCT ngày 22/04/2025 của Bộ Công Thương quy định về hạn ngạch thuế quan nhập khẩu thuốc lá nguyên liệu năm 2025;
- Chỉ thị số 09/CT-BCT ngày 15/04/2025 của Bộ Công Thương về tăng cường quản lý Nhà nước đối với hoạt động kiểm tra, giám sát xuất xứ hàng hóa trong tình hình mới;
- Chỉ thị số 08/CT-BCT ngày 04/04/2025 của Bộ Công Thương về việc thực hiện giải pháp tiếp tục đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng năm 2025.

Lao động

- Nghị định số 92/2025/NĐ-CP ngày 25/04/2025 của Chính phủ quy định về chế độ, chính sách đối với chuyên gia cao cấp;
- Quyết định số 323/QĐ-BNV ngày 08/04/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực an toàn, vệ sinh lao động thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 322/QĐ-BNV ngày 08/04/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 321/QĐ-BNV ngày 08/04/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lao động, tiền lương thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 08/04/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Bảo hiểm xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 315/QĐ-BNV ngày 04/04/2025 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Việc làm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ;
- Thông tư số 003/2025/TT-BNV ngày 28/04/2025 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quản

lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp Nhà nước;

- Thông tư số 09/2025/TT-BYT ngày 28/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 70 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

Y tế

- Quyết định số 634/QĐ-TTPVHCC ngày 19/04/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Y tế Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1330/QĐ-BYT ngày 18/04/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 1292/QĐ-BYT ngày 16/04/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực Thiết bị y tế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 1227/QĐ-BYT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Danh mục mã dùng chung đối với kỹ thuật, thuật ngữ chỉ số cận lâm sàng (Đợt 1);
- Quyết định số 1201/QĐ-BYT ngày 09/04/2025 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 1175/QĐ-BYT ngày 08/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Mẫu phiếu giấy phép hành nghề đối với các hồ sơ cấp, cấp lại, gia hạn, cấp điều chỉnh giấy phép hành nghề thuộc lĩnh vực Y, Dược cổ truyền;
- Quyết định số 1158/QĐ-BYT ngày 04/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung kèm theo Quyết định số 970/QĐ-BYT ngày 21/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Bảo trợ xã hội và Phòng, chống tệ nạn xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;
- Quyết định số 1150/QĐ-BYT ngày 03/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Kế hoạch triển khai hồ sơ bệnh án điện tử;
- Quyết định số 1095/QĐ-BYT ngày 01/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Dân số - Sức khỏe sinh sản và lĩnh vực Trẻ em thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Y tế;
- Thông tư số 21/2025/TT-BQP ngày 14/04/2025 của Bộ Quốc phòng quy định về xếp cấp chuyên môn kỹ thuật; đánh giá, chứng nhận chất lượng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đăng ký và chuyển người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc Bộ Quốc phòng.

Giáo dục

- Quyết định số 1165/QĐ-BGDĐT ngày 26/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung Danh mục mã định danh điện tử các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương ban hành kèm theo Quyết định số 4970/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2021 (lần 1);
- Quyết định số 1164/QĐ-BGDĐT ngày 26/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 1144/QĐ-BGDĐT ngày 25/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Bảo vệ bí mật nhà nước và lĩnh vực Công tác Văn phòng thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 1137/QĐ-BGDĐT ngày 24/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước lĩnh vực chế độ, chính sách đối với nhà giáo thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 1120/QĐ-BGDĐT ngày 23/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 1085/QĐ-BGDĐT ngày 21/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố Danh mục và phê duyệt quy trình nội bộ đối với các thủ tục hành chính thuộc phạm vi tiếp nhận và giải quyết của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 1084/QĐ-BGDĐT ngày 21/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 1083/QĐ-BGDĐT ngày 21/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế hoạt động của Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 1082/QĐ-BGDĐT ngày 21/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thi, tuyển sinh; lĩnh vực giáo dục, đào tạo với nước ngoài thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 1508/QĐ-UBND ngày 17/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 982/QĐ-BGDĐT ngày 14/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố thủ tục hành chính mới lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 973/QĐ-BGDĐT ngày 14/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo kiện toàn Bộ

- phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Quyết định số 951/QĐ-BGDĐT ngày 09/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính mới và bị bãi bỏ lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BGDĐT ngày 02/04/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hợp nhất Thông tư về Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Thông tin - Truyền thông

- Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản và Hướng dẫn đánh giá, xác nhận hoàn thành mức độ phổ cập kỹ năng số;
- Quyết định số 627/QĐ-KHCN ngày 18/04/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Tần số vô tuyến điện thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 604/QĐ-BKHCN ngày 17/04/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Viễn thông và Internet thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Quyết định số 09/2025/QĐ-TTg ngày 14/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 20/2020/QĐ-TTg ngày 22/7/2020 của Thủ tướng Chính phủ về mã định danh điện tử của các cơ quan, tổ chức phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương;
- Quyết định số 394/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 524/QĐ-BKHCN ngày 09/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực IV trực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện;
- Quyết định số 523/QĐ-BKHCN ngày 09/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực III trực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện;
- Quyết định số 522/QĐ-BKHCN ngày 09/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực II trực thuộc Cục Tần số vô tuyến điện;
- Quyết định số 521/QĐ-BKHCN ngày 09/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Tần số vô tuyến điện khu vực I thuộc Cục Tần số vô tuyến điện;
- Quyết định số 444/QĐ-BKHCN ngày 04/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

ban hành Bộ tiêu chí yêu cầu kỹ thuật tối thiểu nền tảng Hợp trực tuyến;

- Quyết định số 405/QĐ-BKHCN ngày 03/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

Văn hóa - Thể thao - Du lịch

- Quyết định số 1172/QĐ-BVHTTDL ngày 25/04/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định trò chơi điện tử G1 trên mạng;
- Quyết định số 1162/QĐ-BVHTTDL ngày 24/04/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Danh mục thủ tục hành chính; điều kiện đầu tư kinh doanh; sản phẩm, hàng hóa kiểm tra chuyên ngành; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, chế độ báo cáo thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Quyết định số 1128/QĐ-BVHTTDL ngày 22/04/2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc xây dựng Thông tư bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Thông tư số 02/2025/TT-BVHTTDL ngày 14/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao trong nước và quốc tế do Việt Nam đăng cai.

Giao thông vận tải

- Nghị định số 89/2025/NĐ-CP ngày 13/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng;
- Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04/04/2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;
- Quyết định số 407/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ Xây dựng phê duyệt Quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 03/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 237/QĐ-CHK ngày 03/04/2025 của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam về việc ban hành về Sổ tay hướng dẫn quy trình đánh giá danh mục không đáp ứng trong quá trình phê duyệt tài liệu khai thác sân bay (ban hành lần 5);
- Thông tư số 31/2025/TT-BCA ngày 21/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thẻ, giấy phép, chứng nhận an ninh hàng không;
- Thông tư số 03/2025/TT-BXD ngày 14/04/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số

điều của Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay;

- Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 21/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường triển khai Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

Xây dựng

- Quyết định số 497/QĐ-BXD ngày 26/04/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 462/QĐ-BXD ngày 21/04/2025 của Bộ Xây dựng ban hành Kế hoạch hành động của Bộ Xây dựng thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 461/QĐ-BXD ngày 21/04/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố sửa đổi cơ quan có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 441/QĐ-BXD ngày 18/04/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Cơ quan Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 424/QĐ-BXD ngày 15/04/2025 của Bộ Xây dựng về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng được tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa;
- Quyết định số 57/2025/QĐ-UBND ngày 15/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý đường đô thị, đường huyện, đường xã, đường thôn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 56/2025/QĐ-UBND ngày 14/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quản lý, sử dụng hành lang bảo vệ trên bờ sông, kênh, rạch, mương, hồ và ao thuộc địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 411/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ Xây dựng phân công nhiệm vụ giải quyết thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa Cơ quan Bộ Xây dựng;
- Quyết định số 409/QĐ-BXD ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố suất vốn đầu tư xây dựng và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2024;
- Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 09/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật công tác duy trì hệ thống thoát nước đô thị trên địa bàn Thành phố Hà Nội;

- Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BXD ngày 04/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hợp nhất Thông tư quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.

Bất động sản

- Nghị định số 75/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 hướng dẫn Nghị quyết số 171/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất;
- Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 21/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 27/2025/QĐ-UBND ngày 03/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về Khung giá cho thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng không bằng vốn đầu tư công, nguồn tài chính công đoàn trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Đất đai

- Nghị quyết số 103/NQ-CP ngày 18/04/2025 của Chính phủ về việc trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xin ý kiến về các trường hợp khác được miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024 (bao gồm cả nội dung giảm tiền thuê đất năm 2025);
- Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 17/04/2025 của Chính phủ về điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Nghị định số 87/2025/NĐ-CP ngày 11/04/2025 của Chính phủ quy định việc giảm tiền thuê đất năm 2024;
- Nghị định số 76/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 hướng dẫn Nghị quyết số 170/2024/QH15 ngày 30/11/2024 của Quốc hội về cơ chế, chính sách đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa;
- Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ Nghị quyết số 101/2016/NQ-HĐND ngày 05/08/2016 ban hành quy định về mức thu tiền và quản lý sử dụng khoản tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển từ đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 17/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định về rà soát, công bố công khai, lập danh mục các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt do Nhà nước quản lý và việc giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp, nằm xen kẹt tại Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 809/QĐ-BNNMT ngày 14/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dữ liệu và Thông tin đất đai trực thuộc Cục Quản lý đất đai;
- Quyết định số 808/QĐ-BNNMT ngày 14/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất trực thuộc Cục Quản lý đất đai;
- Quyết định số 807/QĐ-BNNMT ngày 14/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định và Kỹ thuật địa chính trực thuộc Cục Quản lý đất đai;
- Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 09/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 54/2025/QĐ-UBND ngày 08/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ Quyết định số 39/2015/QĐ-UBND ngày 11/08/2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về chế độ miễn, giảm tiền thuê đất đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục, thể thao, môi trường, giám định tư pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 629/QĐ-BNNMT ngày 03/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 579/QĐ-BNNMT ngày 01/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 568/QĐ-BNNMT ngày 01/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Tài nguyên - Môi trường

- Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-BNNMT ngày 26/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định Quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển;
- Văn bản hợp nhất số 08/VBHN-BNNMT ngày 26/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường

biển và hải đảo;

- Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định về quản lý khoáng sản tại các khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia;
- Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;
- Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định quy định về quản lý cát, sỏi lòng sông và bảo vệ lòng, bờ, bãi sông;
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BTNMT ngày 02/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường hợp nhất Nghị định thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;
- Quyết định số 11/2025/QĐ-TTg ngày 23/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải;
- Quyết định số 1003/QĐ-BNNMT ngày 22/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 973/QĐ-BNNMT ngày 18/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 958/QĐ-BNNMT ngày 18/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều tra, Quan trắc đa dạng sinh học trực thuộc Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học;
- Quyết định số 881/QĐ-BNNMT ngày 17/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thành lập Hội đồng thẩm định kết quả xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản phải hoàn trả do Nhà nước đã đầu tư;
- Quyết định số 1507/QĐ-UBND ngày 17/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 1506/QĐ-UBND ngày 17/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Quyết định số 828/QĐ-BNNMT ngày 15/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Bắc trực thuộc Cục Biển và Hải đảo

Việt Nam;

- Quyết định số 826/QĐ-BNNMT ngày 15/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin, dữ liệu biển và hải đảo quốc gia trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Quyết định số 825/QĐ-BNNMT ngày 15/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên - môi trường biển khu vực phía Nam trực thuộc Cục Biển và Hải đảo Việt Nam;
- Quyết định số 821/QĐ-BNNMT ngày 15/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 777/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tính đến hết ngày 10/04/2025;
- Quyết định số 764/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực viễn thám thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 761/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Phân tích và Kiểm định địa chất trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 760/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Vật lý Địa chất trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 759/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin, Lưu trữ và Bảo tàng địa chất trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 758/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Vật lý Địa chất trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 756/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Địa chất Trung Trung Bộ trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 754/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Địa chất Đông Bắc trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 753/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Bản đồ

- và Địa chất biển miền Nam trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Quyết định số 752/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Liên đoàn Bản đồ và Địa chất biển miền Bắc trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
 - Quyết định số 751/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Địa chất và Khoáng sản miền Nam trực thuộc Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
 - Quyết định số 746/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách tăng cường công tác kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông;
 - Quyết định số 741/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Điều tra khảo sát, Công nghệ và dịch vụ khí tượng thủy văn trực thuộc Cục Khí tượng Thủy văn;
 - Quyết định số 740/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Quyết định số 728/QĐ-BNNMT ngày 10/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Quản lý mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia trực thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;
 - Quyết định số 727/QĐ-BNNMT ngày 10/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ trực thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;
 - Quyết định số 725/QĐ-BNNMT ngày 10/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Hạ tầng dữ liệu không gian địa lý trực thuộc Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam;
 - Quyết định số 722/QĐ-BNNMT ngày 10/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc ủy quyền ký các giấy phép tài nguyên nước và các quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;
 - Quyết định số 704/QĐ-BNNMT ngày 09/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính về khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Quyết định số 696/QĐ-BNNMT ngày 08/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hoá thủ tục hành chính lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
 - Quyết định số 676/QĐ-BNNMT ngày 08/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy

định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia trực thuộc Cục Khí tượng Thủy văn;

- Quyết định số 675/QĐ-BNNMT ngày 08/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin và Dữ liệu khí tượng thủy văn trực thuộc Cục Khí tượng Thủy văn;
- Quyết định số 659/QĐ-BNNMT ngày 04/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực đo đạc, bản đồ thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 642/QĐ-BNNMT ngày 03/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 640/QĐ-BNNMT ngày 03/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định sản phẩm và thiết bị viễn thám trực thuộc Cục Viễn thám quốc gia;
- Quyết định số 580/QĐ-BNNMT ngày 01/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Thông tư số 27/2025/TT-BCA ngày 14/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định kiểm định môi trường về khí thải công nghiệp của lực lượng Công an nhân dân.

Khoa học - Kỹ thuật

- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Nghị định số 88/2025/NĐ-CP ngày 13/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 732/QĐ-BKHCN ngày 28/04/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ trực thuộc Cục Đổi mới sáng tạo;
- Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 18/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội thành lập Hội đồng, Thư ký Hội đồng đánh giá lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1971/QĐ-UBND ngày 10/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực Khoa học và Công nghệ thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội.

Năng lượng

- Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 23/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Công Thương Hà Nội thực hiện giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 31/2025/QĐ-UBND ngày 16/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 11/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Quy chế phát triển điện lực trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1009/QĐ-BCT ngày 14/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện nhà máy nhiệt điện than năm 2025;
- Quyết định số 1008/QĐ-BCT ngày 14/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện nhà máy điện sinh khối năm 2025;
- Quyết định số 1007/QĐ-BCT ngày 14/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá nhập khẩu điện từ Lào về Việt Nam từ ngày 31 tháng 12 năm 2025;
- Quyết định số 988/QĐ-BCT ngày 10/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt khung giá phát điện áp dụng cho loại hình nhà máy điện mặt trời;
- Thông tư số 22/2025/TT-BCT ngày 26/04/2025 của Bộ Công Thương quy định tính toán giá bán lẻ điện bình quân.

Hành chính - Tư pháp

- Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/04/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới;
- Nghị định số 93/2025/NĐ-CP ngày 26/04/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ về Kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;
- Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/04/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/04/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

- Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07/04/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;
- Quyết định số 2186/QĐ-UBND ngày 24/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tham mưu, giải quyết của Sở Tư pháp Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 21/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;
- Quyết định số 319/QĐ-BNV ngày 08/04/2025 của Bộ Nội vụ công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước lĩnh vực Chính quyền địa phương thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nội vụ;
- Quyết định số 08/2025/QĐ-TTg ngày 04/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng giám định tư pháp;
- Thông tư số 16/2025/TT-BTC ngày 24/04/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin lý lịch tư pháp;
- Thông tư số 24/2025/TT-BCA ngày 08/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi Thông tư số 104/2021/TT-BCA ngày 08/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác bảo vệ bí mật Nhà nước trong Công an nhân dân;
- Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 29/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc sử dụng hồ sơ điện tử trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

Nông - Lâm - Ngư nghiệp

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 18/04/2025 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 06/07/2017 về ban hành chính sách hỗ trợ cho cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng công tác tại các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2017-2020 của Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 1112/QĐ-BNNMT ngày 25/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Đăng kiểm tàu cá trực thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- Quyết định số 1110/QĐ-BNNMT ngày 25/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Thông tin Thủy sản

và Kiểm ngư trực thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư;

- Quyết định số 1108/QĐ-BNNMT ngày 25/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm ngư Vùng V trực thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- Quyết định số 1107/QĐ-BNNMT ngày 25/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm ngư Vùng I trực thuộc Cục Thủy sản và Kiểm ngư;
- Quyết định số 1088/QĐ-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Trung Bộ;
- Quyết định số 1087/QĐ-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường khu vực Nam Bộ;
- Quyết định số 1086/QĐ-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 6;
- Quyết định số 1082/QĐ-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 2;
- Quyết định số 1081/QĐ-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường vùng 1;
- Quyết định số 1080/QĐ-BNNMT ngày 24/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm nghiệm kiểm chứng và Dịch vụ chất lượng;
- Quyết định số 650/QĐ-TTPVHCC ngày 24/04/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc công bố chuẩn hóa Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý đề điều và Phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1049/QĐ-BNNMT ngày 23/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 1064/QĐ-BNNMT ngày 23/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng V trực thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Quyết định số 1063/QĐ-BNNMT ngày 23/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng

IV trực thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;

- Quyết định số 1061/QĐ-BNNMT ngày 23/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng II trực thuộc Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật;
- Quyết định số 62/2025/QĐ-UBND ngày 23/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ Quyết định số 54/2021/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về kiểm tra vệ sinh thú y, hoạt động chăn nuôi, vận chuyển, kinh doanh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 648/QĐ-TTPVHCC ngày 23/04/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc công bố chuẩn hóa danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1017/QĐ-BNNMT ngày 22/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tính đến hết ngày 20/4/2025;
- Quyết định số 1000/QĐ-BNNMT ngày 22/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 16/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội ban hành Định mức kinh tế kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 843/QĐ-BNNMT ngày 15/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 839/QĐ-BNNMT ngày 15/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 818/QĐ-BNNMT ngày 15/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố danh mục văn bản quy phạm pháp luật còn hiệu lực thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường tính đến hết ngày 31/3/2025;
- Quyết định số 2005/QĐ-UBND ngày 12/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 778/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

- Quyết định số 746/QĐ-BNNMT ngày 11/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 24/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ về các giải pháp cấp bách tăng cường công tác kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông;
- Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý, duy tu các công trình nông nghiệp và môi trường Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1988/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Kiểm lâm Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1986/QĐ-UBND ngày 11/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thủy lợi và Phòng, chống thiên tai Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1974/QĐ-UBND ngày 10/04/2025 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ, Môi trường; Khuyến nông; Thủy lợi; Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Tài nguyên nước; Môi trường; Địa chất và khoáng sản; Ứng phó sự cố tràn dầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 705/QĐ-BNNMT ngày 09/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 592/QĐ-TTPVHCC ngày 09/04/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn; Quản lý chất lượng, Nông, Lâm sản và Thủy sản; Quản lý doanh nghiệp; Nông nghiệp; Khoa học công nghệ và Môi trường; Chăn nuôi; Giảm nghèo thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 581/QĐ-TTPVHCC ngày 05/04/2025 của Trung tâm Phục vụ hành chính công Thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Trồng trọt, Bảo vệ thực vật, Khoa học công nghệ và Môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 637/QĐ-BNNMT ngày 03/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Giám sát nông nghiệp, tài nguyên và môi trường trực thuộc Cục Viễn thám quốc gia;

- Quyết định số 636/QĐ-BNNMT ngày 03/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị nông nghiệp trực thuộc Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển Nông thôn;
- Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Đầu tư

- Quyết định số 992/QĐ-BNNMT ngày 21/04/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quy chế giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách Nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên tại Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Quyết định số 1404/QĐ-BTC ngày 18/04/2025 của Bộ Tài chính công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư; đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 1389/QĐ-BTC ngày 17/04/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy trình nội bộ, Quy trình điện tử đối với việc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;
- Quyết định số 1388/QĐ-BTC ngày 17/04/2025 của Bộ Tài chính về việc phân công, ủy quyền đối với hoạt động đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài;
- Quyết định số 1285/QĐ-BTC ngày 08/04/2025 của Bộ Tài chính về việc bãi bỏ Quyết định số 1761/QĐ-BTC ngày 25/7/2024 của Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục gói thầu được tổ chức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt;
- Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 21/04/2025 của Thủ tướng Chính phủ về giám sát đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp Nhà nước và doanh nghiệp có vốn Nhà nước.

• ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

VĂN PHÒNG HÀ NỘI

Phòng 308-310, Tầng 3, Tháp Hà Nội,
49 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội,
Việt Nam

Điện thoại: 84-24-3934 0629

Fax: 84-24-3934 0631

E-mail: vision@vision-associates.com



Ông Phạm Nghiêm Xuân Bắc
Tổng Giám Đốc

E: pnx.bac@vision-associates.com

M: (+84) 913 216 031



Ông Lưu Tiến Ngọc
Phó Tổng Giám Đốc

E: lt.ngoc@vision-associates.com

M: (+84) 903 251 617



Bà Lê Quỳnh Anh
Giám đốc Văn phòng Luật

E: lq.anh@vision-associates.com

M: (+84) 0913 563 961



Bà Nguyễn Nguyệt Dung
Giám đốc Văn phòng Sở hữu Trí tuệ

E: nn.dzung@vision-associates.com

M: (+84) 904 150 119



VĂN PHÒNG TP. HỒ CHÍ MINH

Phòng 905, Tầng 9, Tòa nhà Citilight Tower
45 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí
Minh, Việt Nam

Điện thoại: 84-28-3823 6495

Fax: 84-28-3823 6496

E-mail: hcmvision@vision-associates.com



Ông Lưu Tiến Ngọc
Phó Tổng Giám Đốc

E: lt.ngoc@vision-associates.com

M: (+84) 903 251 617



Ông Lê Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Văn phòng TP. Hồ Chí Minh

E: lva.vu@vision-associates.com

M: (+84) 914 474 000